

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DMS
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DMS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DMS CORPORATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DMS CORP

2. Mã số doanh nghiệp: 0108287206

3. Ngày thành lập: 23/05/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 7, Ngõ 151A, Phố Thái Hà, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
2.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
3.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1329
4.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
5.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
6.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2212
7.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: - Sản xuất bao bì từ plastic - Sản xuất sản phẩm khác từ plastic	2220
8.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
9.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
10.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
11.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
12.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
13.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
14.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: - Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng - Sản xuất máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu	2829
15.	Sửa chữa thiết bị khác	3319

16.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá Chi tiết: - Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng và điều hoà không khí	3530
17.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
18.	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: - Thoát nước - Xử lý nước thải	3700
19.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh - Bán buôn cao su - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
20.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít Chi tiết: Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, ma tít	2022
21.	Đúc sắt, thép	2431
22.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
23.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
24.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
25.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
26.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
27.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
28.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: - Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy - Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy - Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
29.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)	4620

30.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
31.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
32.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: - Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác - Bán buôn dầu thô - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan	4661
33.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
34.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh - Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu	4932
35.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng - Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) - Vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ - Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác	4933
36.	Vận tải đường ống	4940
37.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5221
38.	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ	5224
39.	Quảng cáo	7310

40.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ Chi tiết: - Cưa, xẻ và bào gỗ - Bảo quản gỗ	1610
41.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì Chi tiết: - Sản xuất bao bì bằng giấy, bì - Sản xuất giấy nhãn và bì nhãn	1702
42.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động kiến trúc - Hoạt động đo đạc bản đồ - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước - Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác	7110
43.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
44.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa được phân vào đâu	7730
45.	Điều hành tua du lịch	7912
46.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
47.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
48.	Đúc kim loại màu	2432
49.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
50.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
51.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
52.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
53.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
54.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
55.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
56.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
57.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: - Xây dựng công trình đường sắt - Xây dựng công trình đường bộ	4210
58.	Xây dựng công trình công ích	4220

59.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
60.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
61.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác - Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) - Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
62.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: - Bán buôn mô tô, xe máy - Bán lẻ mô tô, xe máy - Đại lý mô tô, xe máy	4541
63.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
64.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652(Chính)
65.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn quặng kim loại - Bán buôn sắt, thép - Bán buôn kim loại khác - Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác	4662
66.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến - Bán buôn xi măng - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi - Bán buôn kính xây dựng - Bán buôn sơn, vécni - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh - Bán buôn đồ ngũ kim - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
67.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng tàu điện ngầm - Vận tải hành khách bằng taxi - Vận tải hành khách bằng xe lam, xe lôi, xe máy - Vận tải hành khách bằng xe đạp, xe xích lô và xe thô sơ khác	4931

68.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác	5210
69.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
70.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
71.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: - Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ - Sản xuất sản phẩm từ lâm sản (trừ gỗ), cói và vật liệu tết bện	1629
72.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
73.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
74.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
75.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
76.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
77.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
78.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
79.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
80.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
81.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
82.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
83.	Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác	9529
84.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
85.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
86.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
87.	Bán buôn tổng hợp	4690

88.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
89.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
90.	Sản xuất xe có động cơ	2910
91.	Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
92.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
93.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
94.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
95.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
96.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
97.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
98.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
99.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
100.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
101.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
102.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
103.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
104.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
105.	Dịch vụ đóng gói	8292
106.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
107.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
108.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
109.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
110.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
111.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
112.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
113.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709

114.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao Chi tiết: - Sản xuất xi măng - Sản xuất vôi - Sản xuất thạch cao	2394
115.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
116.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
117.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
118.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
119.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
120.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
121.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn - Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
122.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
123.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
124.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
125.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
126.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
127.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
128.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
129.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
130.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
131.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
132.	Xây dựng nhà các loại	4100
133.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
134.	Phá dỡ	4311
135.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước - Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hoà không khí	4322
136.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329

137.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
138.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
139.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) - Bán buôn xe có động cơ khác	4511
140.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
141.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
142.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu	5229
143.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
144.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
145.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: - Cho thuê ô tô - Cho thuê xe có động cơ khác	7710
146.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7830
147.	Đại lý du lịch	7911
148.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
149.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
150.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN CHÍNH LƯU	Số 44, Ngõ 62, Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	33.000	3.300.000.000	33,000	001072006985	
			Tổng số	33.000	3.300.000.000	33,000		
2	LÊ ĐỨC NINH	Số 7, Ngõ 151A, Phố Thái Hà, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	34.000	3.400.000.000	34,000	001088018503	
			Tổng số	34.000	3.400.000.000	34,000		
3	NGUYỄN DUY KHANH	Phòng 304, Tòa nhà D10, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	33.000	3.300.000.000	33,000	013666230	
			Tổng số	33.000	3.300.000.000	33,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ ĐỨC NINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 30/01/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001088018503

Ngày cấp: 02/08/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 7, Ngõ 151A, Phố Thái Hà, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 7, Ngõ 151A, Phố Thái Hà, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội